TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:70/2018/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 01 tháng 6 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Trần Văn D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Đào Thị Kim O, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Điều 27 Nghị Quyết số 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn D và chị Đào Thị Kim O.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị O tiếp tục nuôi con chung hiện nay đang ở với chị O là cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 27/11/2012. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị O có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp anh D không thi hành hết

nghĩa vụ thi hành án, thì anh D còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi xuất được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị O có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

Chị O cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung - Công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí sơ thẩm: Anh D nhận nộp cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con anh D phải chịu là 150.000 đồng, anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2013/0000776 ngày 02/5/2018 tại Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dấn sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Đ;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY